

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS - ST

Ngày 19/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Xuân Cường

Ông Hoàng Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm và ông Triệu Xuân Triều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2019/TLST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn Đ (tên gọi khác: Lương Xuân H), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1966 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Lương Văn T và bà Mã Thị S (đều đã chết); Vợ, con: Chưa có. (hiện nay chung sống như vợ chồng với Đàm Thị A.

Tiền án: Tiền án: 02. Ngày 28/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 29/10/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 31 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Ngày 15/8/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Ngày 23/8/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Ngày 30/6/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc với tổng số tiền 2.400.000đ. Ngày 28/8/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 29/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản vào ngày 14/4/2011, tổng hợp với hành phạt 30 tháng tù bị can phải chấp hành hình phạt chung là 54 tháng tù, ngày 14/11/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Hiện nay bị can đang chấp hành án của bản án khác tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Văn H, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1997 tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Dương Văn S và bà Nông Thị T; Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Ngày 29/5/2018 bị Công an huyện Pác Nặm xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Nhân thân: Ngày 20/9/2016 bị Công an huyện Pác Nặm xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Hiện đang chấp hành án của bản án khác tại trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Đ và Dương Văn H:** Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Người bị hại:** Anh Dương Văn S, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

Chị Lộc Thị T, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc

Kạn. Vắng mặt

Anh Dương Văn T, sinh năm 1990 - Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên khoảng 13 giờ ngày 02/11/2018, Dương Văn H đi bộ lên nhà của Lương Văn Đ tại thôn Phiêng L, xã C, huyện Pchơi. Trong lúc ngồi nói chuyện thì Đ nói cho H biết ở gần nhà hợp thôn N, xã C có một nhà máy sát thóc của Dương Văn S, bên trong có mô-tơ điện, nếu lấy thì lấy cái bên trong nhỏ nhất đi bán thì sẽ có tiền. Khi nghe Đ nói vậy H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên H nói *“không có đồ để vận thì làm sao mà lấy”*, Đ trả lời *“dưới gầm giường có 01 cái kìm và 01 cái mỏ lết”*. Sau đó H đi xuống nhà máy sát thóc để quan sát, còn Đ thì đi gặt lúa. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, H quay lại bàn bạc với Đ về việc đi trộm chiếc mô-tơ, H nói *“Phải có đồ thì mới vận được”*, Đ trả lời *“Lên nhà chú mở cửa vào lấy kìm và mỏ lết để ở dưới gầm giường ngủ của chú, cất trong bao tải bé”*. Nghe Đ nói vậy, H đi lấy 01 cái kìm và 01 cái mỏ lết ở dưới gầm giường trong nhà Đ để vào trong túi quần rồi một mình đi bộ xuống nhà sát thóc của Dương Văn S, H quan sát thấy không có người, cửa nhà không khóa nên đẩy cửa đi vào trong nhà. H quan sát thấy 02 chiếc mô-tơ điện, chiếc to hơn ở bên ngoài, chiếc nhỏ hơn ở bên trong và sát với vách tường nhà. H đi đến vị trí đặt chiếc mô-tơ nhỏ hơn, sau đó sử dụng mỏ lết tháo 04 ốc cố định chiếc mô-tơ xuống tấm ván gỗ, rồi dùng kìm cắt dây điện nối từ cầu dao đến chiếc mô-tơ và cuộn đoạn dây điện lại cùng mô-tơ sau đó bê mô-tơ ra ngoài nhà. Do thấy chiếc mô-tơ nặng và sợ bị phát hiện nên H đã đem giấu ở vườn mía cách nhà sát thóc 8,8 mét. Sau đó H đi về nhà Đ để cất kìm và mỏ lết thì gặp Đ nên H nói cho Đ biết đã lấy trộm được chiếc mô-tơ nhưng do nặng nên không lấy về được và đã giấu ở vườn mía gần nhà sát thóc. Đ nói với H đợi đến khi trời tối hẳn thì sẽ xuống lấy chiếc mô-tơ đó. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô-tô nhãn hiệu Honda, BKS 97B1 - 504.90 do Đ mượn của Lộc Thị T sinh năm 1994 trú cùng thôn chở H đi lấy chiếc mô-tơ mà H đã cất giấu. Đến nơi Đ dừng xe và đứng đợi ở ngoài đường 258B, H một mình đi vào vị trí giấu chiếc mô-tơ và nhắc lên nhưng do thấy nặng và sợ bị phát hiện nên đi ra nói với Đ *“Không lấy được đâu”*, Đ không nói gì và chở H quay về. Khi đi đến gần cổng trụ sở UBND xã C thì gặp

Hoàng Văn T sinh năm 1994 trú cùng thôn, do T có gọi H nên Đ dừng xe lại, H nói cho T biết H đang để 01 chiếc mô tô điện ở gần nhà hợp thôn N và nhờ T đi lấy, T đồng ý. Sau đó Đ chở T xuống và đứng đợi ở ngoài đường 258B, T xuống xe đi đến khu vườn gần nhà hợp thôn thì bị ông Dương Văn S phát hiện, lập biên bản và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tiến hành điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã lấy lời khai của các bị can, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, khám nghiệm hiện trường và yêu cầu định giá tài sản.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ trộm cắp tài sản là tại nhà dùng để xát thóc của Dương Văn S tại thôn N, xã C, huyện P. Nhà gồm 03 gian bằng gỗ, mở 01 cửa ra vào về phía Tây, cửa làm bằng gỗ. Phía Đông là vườn mía tiếp giáp nhà hợp thôn; phía Tây là lối ra đường 258B; phía Nam tiếp giáp khoảng sân và nhà bà Hoàng Thị D; phía Bắc là vườn mía tiếp giáp đường 258B. Vị trí gắn cầu dao điện là tại chiếc cột gỗ giữa gian thứ hai và gian thứ ba từ Tây sang Đông, vị trí này được đánh số thứ tự 01, 01 cách cửa 05 mét. Cách vị trí 01 2,3 mét về phía Đông Nam là vị trí để chiếc mô tô điện, vị trí này được đánh số thứ tự 02.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 11 ngày 21/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Pác Nặm kết luận: 01 mô tô điện (dùng để xát thóc) nhãn hiệu VIET-HUNG loại động cơ không đồng bộ 03 pha, trọng lượng 33kilôgam trị giá 3.300.000đ; Dây điện ba pha 04 lõi đồng dài 5,57m còn nguyên vỏ nhựa trị giá 501.300đ.

Tại cơ quan điều tra, Lường Văn Đ khai nhận: Trước ngày 02/11/2018, Đ đã nhìn thấy ở trong nhà máy sạt thóc gần nhà hợp thôn có chiếc mô tô điện và đã có ý định trộm cắp, tuy nhiên do sức khỏe yếu, biết không mang đi được nên Đ không lấy trộm. Ngày 02/11/2018, khi H lên nhà, Đ đã nói cho H biết vị trí để chiếc mô tô với mục đích để H đi lấy về sau đó sẽ cùng H đem đi bán lấy tiền phục vụ nhu cầu của bản thân Đ. Khi chở T đi lấy, Đ không cho T biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định Lường Văn Đ là đồng phạm với vai trò chủ mưu, giúp sức cho Dương Văn H trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Dương Văn H khai nhận: Do được Đ chỉ cho biết vị trí có chiếc mô-tơ điện nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp để lấy tiền phục vụ nhu cầu của bản thân. H một mình trực tiếp lấy trộm 01 mô-tơ điện và 01 đoạn dây điện ba pha từ trong nhà sát thóc ra giấu trong vườn của Dương Văn S. Khi nhờ T đi lấy, H không nói cho T biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp.

Lời khai của bị cáo Lương Văn Đ, Dương Văn H phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSPN ngày 06/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để xét xử Lương Văn Đ và Dương Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ và Dương Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

a) Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt theo quy định

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

b) Xử lý vật chứng: Xử lý theo quy định

c) Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS năm 2015, các điều 584, 585, 586, 587 và 589 BLDS buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại cho ông Dương Văn S số tiền 3.000.000đ.

d) Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhận thấy việc xét xử các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51. Riêng bị cáo H đề nghị HĐXX cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị cho bị cáo Đ được hưởng mức án

từ 24 đến 30 tháng tù, bị cáo H 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Công nhận sự thỏa thuận về dân sự giữa các bị cáo và người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ cùng ngày 02/11/2018 trên cơ sở đã bàn bạc với Đoàn về việc lấy trộm chiếc mô tô dùng để xay sát lúa gạo của anh Dương Văn S, H lấy 01 cái kìm và 01 cái mỏ lết ở dưới gầm giường trong nhà Đ để vào trong túi quần rồi một mình đi bộ xuống nhà sát thóc của Dương Văn S, H quan sát thấy không có người, cửa nhà không khóa nên đẩy cửa đi vào trong nhà, H quan sát thấy 02 chiếc mô tô điện, chiếc to hơn ở bên ngoài, chiếc nhỏ hơn ở bên trong và sát với vách tường nhà, H đi đến vị trí đặt chiếc mô tô nhỏ hơn, sau đó sử dụng mỏ lết tháo 04 ốc cố định chiếc mô tô xuống tấm ván gỗ, rồi dùng kìm cắt dây điện nối từ cầu dao đến chiếc mô tô và cuộn đoạn dây điện lại cùng mô tô sau đó bê mô tô ra ngoài đem giấu ở vườn mía, sau đó H đi về nhà Đ để cất kìm và mỏ lết. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đoàn điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97B1 - 504.90 do Đ mượn của Lộc Thị T sinh năm 1994 trú cùng thôn chở H đi lấy chiếc mô tô mà H đã cất giấu. Đến nơi Đ dừng xe và đứng đợi ở ngoài đường 258B, H một mình đi vào vị trí giấu chiếc mô tô và nhắc lên nhưng do thấy nặng

và sợ bị phát hiện nên đi ra nói với Đ “*Không lấy được đâu*”, Đ không nói gì và chờ H quay về. Khi đi đến gần công trụ sở UBND xã C thì gặp Hoàng Văn T sinh năm 1994 trú cùng thôn, do Trường có gọi H nên Đ dừng xe lại, H nói cho T biết H đang để 01 chiếc mô-tơ điện ở gần nhà hợp thôn N và nhờ Tg đi lấy, T đồng ý. Sau đó Đ chở T xuống và đứng đợi ở ngoài đường 258B, T xuống xe đi đến khu vườn gần nhà hợp thôn thì bị ông Dương Văn S phát hiện, lập biên bản và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung là “*trộm cắp tài sản có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng...*”.

Hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố về tội “trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất nghiêm trọng, mức độ phạm tội của bị cáo thấy.

Mặc dù nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã bất chấp. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội nói chung và huyện Pác Nặm nói riêng, do vậy cần phải có hình phạt xứng đáng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo

- Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu bởi lẽ trong quá khứ bị cáo Lương Văn Đ đã bị Tòa án đưa ra xét xử nhiều lần, mà hiện nay còn hai bản án chưa được xóa án tích, còn bị cáo Dương Văn H cũng đã bị Công an huyện Pác Nặm xử phạt về hành vi “Trộm cắp tài sản” mà hiện nay còn 01 tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xóa.

- Tình tiết tăng nặng: Ngày 28/8/2012 bị cáo Lương Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, do vậy bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Còn bị cáo Dương Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lương Văn Đ và Dương Văn H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, do vậy mỗi bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Dương Văn H đã tác động anh trai là Dương Văn T nộp vào Cơ quan thi hành án số tiền 1.000.000đ để bồi thường thiệt hại, do vậy bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đánh giá vai trò của các bị cáo thấy, bị cáo Lương Văn Đ là người chỉ điểm, đề xuất việc trộm cắp do vậy xác định bị cáo là người chủ mưu, còn bị cáo Dương Văn H là người trực tiếp thực hiện hành vi, hai bị cáo không có sự phân công trong việc thực hiện hành vi, do vậy xác định đây chỉ là đồng phạm giản đơn, khi định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng của vụ án gồm:

01 chiếc mô tơ điện và 01 cuộn dây điện đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của ông Dương Văn S, Công an huyện Pác Nặm đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

01 chiếc kìm và 01 chiếc mỏ lết bằng sắt đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 97B1 - 504.90 kết quả điều tra xác định chủ sở hữu là Lộc Thị T trú tại thôn P, xã C, huyện P, chiếc xe này bà T sử dụng vào việc đi lại. Tuy nhiên bị can Đ có mượn chiếc xe này để sử dụng vào việc phạm tội nhưng bà T không biết. Ngày 31/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Pắc Nặm ban hành quyết định trả lại chiếc xe trên cho bà Lộc Thị T là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn S yêu cầu bị cáo Lương Văn Đ và Dương Văn H phải bồi thường cho anh tiền mất thu nhập do máy say sát không hoạt động được từ ngày 03/11/2018 đến ngày 06/12/2018 với tổng số tiền là 3.000.000^d, tại phiên Tòa hai bị cáo nhất trí bồi thường khoản tiền này, do vậy cần công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Dương Văn H đã tác động anh trai là Dương Văn T nộp 1.000.000đ để bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa anh Dương Văn T nhất trí, tự nguyện nộp khoản tiền này cho bị cáo H, do vậy cần tạm giữ đề thi hành án cho bị cáo H.

[7] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51. Riêng bị cáo H đề nghị HĐXX cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị cho bị cáo Đ được hưởng mức án từ 24 đến 30 tháng tù, bị cáo H 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo. Công nhận sự thỏa thuận về dân sự giữa các bị cáo và người bị hại. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có căn cứ nên cần được xem xét.

[8] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Trong vụ án còn có Hoàng Văn T là người đã giúp Dương Văn H đi lấy chiếc mô tô nhưng T không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên không đề nghị xử lý.

Đối với Lộc Thị T đã cho Lương Văn Đ mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97B1 - 504.90 nhưng T không biết Đ sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên không đề nghị xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, có hộ khẩu thường trú và chỗ ở thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Lường Văn Đ (tên gọi khác: Lương Xuân H) và bị cáo Dương Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lường Văn Đ 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 66 tháng tù tại bản án số 09/2019/HS-ST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Buộc bị cáo Lường Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 90 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018.

[3]. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Dương Văn H 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999, các điều 584, 585, 586, 587 và 589 BLDS năm 2015 buộc bị cáo Lường Văn Đ và Dương Văn H liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho anh Dương Văn S số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Trong đó bị cáo Lường Văn Đ và bị cáo Dương Văn H mỗi người bồi thường số tiền là 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Dương Văn S.

Tạm giữ số tiền 1000.000^d (Một triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 00883, ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Dương Văn H.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm

01 chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm vỏ bằng nhựa màu đỏ đã qua sử dụng.

01 chiếc mỏ lết bằng kim loại đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[7]. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (02b)
- Người bào chữa (01b)
- Người bị hại (01b)
- Người có QL,NVLQ. (03b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn